

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây (gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1911 QĐ/UB ngày 21 ngày 12 tháng 2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Tây (nay được sáp nhập vào Thành phố Hà Nội).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0303000015 ngày 07 tháng 01 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 09 ngày 25 tháng 9 năm 2009.

Tên viết tắt: HATAYPHAR.

Công ty đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán: DHT

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Văn Lớ	Chủ tịch
Ông Ngô Văn Chinh	Phó Chủ tịch
Ông Lê Xuân Thắng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Bá Lai	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính này, bao gồm:

Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Lớ	Giám đốc
Ông Lê Xuân Thắng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Bá Lai	Phó Giám đốc

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited.

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2010 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Lê Văn Lớ
Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2011

Số: 107/2011/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁNVề Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010
của Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây**

Chúng tôi, Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính chủ yếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây (gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được trình bày trong Báo cáo tài chính từ trang 05 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Nguyễn Anh Tuấn**
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0779/KTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM

Thành viên đại diện Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2011

Đinh Văn Thắng
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1147/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

MẪU B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		217.904.186.459	202.476.967.907
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	20.126.639.002	21.832.778.748
1 Tiền	111		20.126.639.002	21.832.778.748
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		69.212.919.532	66.683.016.542
1 Phải thu của khách hàng	131		63.664.503.133	54.377.165.162
2 Trả trước cho người bán	132		5.457.421.220	11.705.851.380
5 Các khoản phải thu khác	135	5.2	1.000.000.000	600.000.000
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(909.004.821)	-
IV Hàng tồn kho	140		126.772.909.051	112.739.058.030
1 Hàng tồn kho	141	5.3	126.772.909.051	112.739.058.030
V Tài sản ngắn hạn khác	150		1.791.718.874	1.222.114.587
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		522.060.387	572.159.587
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.4	889.458.487	-
4 Tài sản ngắn hạn khác	158		380.200.000	649.955.000
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		47.960.220.671	42.286.485.152
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		45.960.220.671	40.286.485.152
1 Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	39.227.593.403	31.522.544.042
- Nguyên giá	222		137.843.836.426	120.706.873.095
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(98.616.243.023)	(89.184.329.053)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.6	6.732.627.268	8.763.941.110
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.000.000.000	2.000.000.000
3 Đầu tư dài hạn khác	258	5.7	2.000.000.000	2.000.000.000
V Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		265.864.407.130	244.763.453.059

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

MẪU B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		164.654.070.649	157.526.737.813
I Nợ ngắn hạn	310		160.094.070.649	151.366.737.813
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	5.8	117.574.468.496	113.463.671.508
2 Phải trả người bán	312		31.156.271.944	23.006.123.658
3 Người mua trả tiền trước	313		5.112.036.250	9.133.923.901
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.9	1.965.671.286	1.140.465.681
5 Phải trả người lao động	315		2.633.172.779	3.129.924.303
6 Chi phí phải trả	316	5.10	-	65.920.681
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	5.11	1.546.328.237	1.321.988.249
11 Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		106.121.657	104.719.832
II Nợ dài hạn	330		4.560.000.000	6.160.000.000
4 Vay và nợ dài hạn	334	5.12	4.260.000.000	5.860.000.000
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		300.000.000	300.000.000
B VỐN CHỦ SỞ HỮU(400=410+430)	400		101.210.336.481	87.236.715.246
I Vốn chủ sở hữu	410	5.13	101.210.336.481	87.236.715.246
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		41.226.020.000	41.226.020.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		26.849.000.000	26.849.000.000
3 Vốn khác của chủ sở hữu	413		13.367.300.656	8.821.579.869
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		137.940.687	-
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		89.249.865	89.249.865
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		4.122.602.000	4.122.602.000
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		15.418.223.273	6.128.263.512
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		265.864.407.130	244.763.453.059

Kế toán trưởng



Ngô Văn Chinh

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2011

Giám đốc




Lê Văn Lớ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

MẪU B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Chỉ tiêu	MS	TM	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.14	543.415.350.125	586.913.029.646
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.15	240.217.618	313.414.675
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	5.16	543.175.132.507	586.599.614.971
4 Giá vốn hàng bán	11	5.17	467.142.874.199	509.903.033.218
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		76.032.258.308	76.696.581.753
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	4.063.679.448	4.970.588.465
7 Chi phí tài chính	22	5.19	16.157.857.679	10.104.053.957
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.487.392.518,0	7.783.945.467,0
8 Chi phí bán hàng	24		27.073.564.276	29.797.318.934
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		17.635.236.710	24.192.903.167
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		19.229.279.091	17.572.894.160
11 Thu nhập khác	31		56.000.000	247.619.048
12 Chi phí khác	32		50.000.000	-
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		6.000.000	247.619.048
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		19.235.279.091	17.820.513.208
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.20	3.817.055.818	3.447.045.696
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		15.418.223.273	14.373.467.512
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.21	3.740	3.487

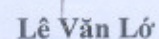
Kế toán trưởng



Ngô Văn Chinh

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2011

Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Chi tiêu	MS	Năm 2010	Năm 2009
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	511.622.930.208	551.508.757.609
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(449.447.832.957)	(305.881.126.866)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(40.267.199.012)	(32.034.301.333)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(15.195.786.617)	(7.765.785.897)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(3.047.045.696)	(4.332.521.036)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	8.316.739.832	151.676.206.744
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(9.152.128.684)	(338.754.381.031)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.829.677.074	14.416.848.190
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(10.537.805.808)	(15.658.444.524)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	219.800.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(450.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	50.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.686.666.608	4.566.748.481
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.031.339.200)	(11.091.696.043)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	282.592.599.653	326.931.858.114
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(280.081.802.665)	(314.842.027.701)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(7.668.804.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.510.796.988	4.421.026.413
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(1.690.865.138)	7.746.178.560
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	21.832.778.748	14.086.573.865
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(15.274.608)	26.323
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	20.126.639.002	21.832.778.748

Kế toán trưởng



Ngô Văn Chinh

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2011



Giám đốc



Lê Văn Lớ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây (gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1911 QĐ/UB ngày 21 tháng 12 năm 2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Tây (nay được sáp nhập vào Thành phố Hà Nội). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0303000015 ngày 07 tháng 01 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 09 ngày 25 tháng 9 năm 2009.

Công ty đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán: DHT

Các đơn vị trực thuộc Công ty như sau:

<u>Stt</u>	<u>Chi nhánh</u>	<u>Địa chỉ</u>
1.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây	Số 8, ngách 10/1 Hoàng Ngọc Phách, Đống Đa, Hà Nội
2.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây tại Nghệ An	Số 18 Trần Nhật Duật, Đội Cung, thành phố Vinh, Nghệ An
3.	Chi nhánh Dược phẩm Hà Đông	Số 10 Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
4.	Chi nhánh Dược phẩm Ba Vì	Thị trấn Tây Tăng, Ba Vì, Hà Nội
5.	Chi nhánh Dược phẩm Phúc Thọ	Xã Vọng Xuyên, huyện Phúc Thọ, Hà Nội
6.	Chi nhánh Dược phẩm Hoài Đức	Thị trấn Trôi, Hoài Đức, Hà Nội
7.	Chi nhánh Dược phẩm Đan Phượng	Thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội
8.	Chi nhánh Dược phẩm Thường Tín	Số 251 Phố Ga, Thường Tín, Hà Nội
9.	Chi nhánh Dược phẩm Phú Xuyên	Tiểu khu Mỹ Lâm, Phú Xuyên, Hà Nội
10.	Chi nhánh Dược phẩm Ứng Hoà	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hoà, Hà Nội
11.	Chi nhánh Dược phẩm Sơn Tây	Số 03 Nguyễn Thái Học, Thị xã Sơn Tây, HN
12.	Chi nhánh Dược phẩm Thạch Thất	Xã Kim Quang, Thạch Thất, Hà Nội
13.	Chi nhánh Dược phẩm Mỹ Đức	Thị trấn Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội
14.	Chi nhánh Dược phẩm Thanh Oai	Thị trấn Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội
15.	Chi nhánh Dược phẩm Quốc Oai	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội
16.	Chi nhánh Dược phẩm Chương Mỹ	Thị trấn Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội
17.	Chi nhánh đông dược, vật tư y tế	78 Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
18.	Các phân xưởng sản xuất	Phường La Khê, quận Hà Đông, Hà Nội

Địa chỉ: Số 80, phố Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất kinh doanh dược phẩm, dược liệu, mỹ phẩm, thực phẩm thuốc và trang thiết bị y tế;
- Xuất nhập khẩu dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm thuốc và trang thiết bị y tế;
- Mua bán hoá chất và hoá chất xét nghiệm (trừ loại hoá chất Nhà nước cấm);
- Kinh doanh bất động sản; dịch vụ nhà đất;
- Kinh doanh siêu thị; dịch vụ nhà ở, văn phòng;
- Kinh doanh vắc xin, sinh phẩm y tế.
- Giáo dục nghề nghiệp; Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp; Dạy nghề

Hoạt động chính của Công ty trong năm là sản xuất và kinh doanh các loại dược phẩm, dược liệu, thực phẩm thuốc và trang thiết bị y tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính/kỳ hoạt động

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 do Bộ Tài chính ban hành, Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi bổ sung khác.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán Viet Sun.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010, Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán so với kỳ trước, cụ thể:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản công nợ phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được trình bày tại khoản mục Chênh lệch tỷ giá trên Bảng cân đối kế toán.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, dự phòng khoản phải thu khó đòi được lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, các cam kết nợ hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền cuối tháng.(hình thức gì?)

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

Loại tài sản cố định**Thời gian khấu hao (năm)**

	<u>Năm 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06	06
Máy móc thiết bị	06 - 07	06 - 07
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06	03 - 06

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí sản xuất, dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau là giá trị các công cụ, dụng cụ thuộc loại tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng dưới một năm.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty hoặc Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu là vốn bổ sung từ các quỹ, từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Theo Quyết định số 234/QĐ - UB ngày 01/03/2001 của UBND tỉnh Hà Tây thì Công ty thực hiện đầu tư chiều sâu công nghệ sản xuất thuốc viên mở rộng sản xuất thuộc danh mục ưu đãi đầu tư nên Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH.**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	4.279.796.784	672.713.349
Tiền gửi ngân hàng	15.846.842.218	21.160.065.399
Tổng	20.126.639.002	21.832.778.748

5.2 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải thu khác	1.000.000.000	600.000.000
Tổng	1.000.000.000	600.000.000

5.3 Hàng tồn kho

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	74.464.925.264	65.072.440.248
Công cụ, dụng cụ	128.657.850	230.555.176
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.678.348.974	1.854.841.779
Hàng hoá	49.500.976.963	45.581.220.827
Tổng	126.772.909.051	112.739.058.030

5.4 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế GTGT nộp thừa	889.458.487,0	-
Tổng	889.458.487	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.5 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2010	40.866.275.081	72.113.946.432	3.973.597.838	3.753.053.744	120.706.873.095
Mua trong năm	-	4.565.447.219	-	1.862.551.440	6.427.998.659
Đầu tư XD CB hoàn thành	11.541.428.382	-	-	-	11.541.428.382
Thanh lý, nhượng bán	-	(832.463.710)	-	-	(832.463.710)
Số dư ngày 31/12/2010	52.407.703.463	75.846.929.941	3.973.597.838	5.615.605.184	137.843.836.426
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2010	22.911.587.022	59.940.788.515	2.858.115.674	3.473.837.841	89.184.329.053
Khấu hao trong năm	5.626.649.044	4.250.655.585	221.136.316	165.936.736	10.264.377.680
Thanh lý, nhượng bán	-	(832.463.710)	-	-	(832.463.710)
Số dư ngày 31/12/2010	28.538.236.066	63.358.980.390	3.079.251.990	3.639.774.577	98.616.243.023
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2010	17.954.688.059	12.173.157.917	1.115.482.164	279.215.903	31.522.544.042
Tại ngày 31/12/2010	23.869.467.397	12.487.949.551	894.345.848	1.975.830.607	39.227.593.403

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 10.614.856.612 VND.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 66.925.482.577 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Chi phí xây dựng văn phòng	-	8.422.413.838
Phí thiết kế xây dựng văn phòng	-	341.527.272
Chi phí xây dựng xưởng Đông Dược	6.000.000.000	-
Chi phí thiết kế xưởng Đông Dược	249.337.273	-
Chi phí thẩm tra thiết kế xưởng Đông Dược	28.744.545	-
Chi phí điện lạnh cho xưởng Đông Dược	454.545.450	-
Tổng	6.732.627.268	8.763.941.110

5.7 Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị y tế Hà Tây	2.000.000.000	2.000.000.000
Tổng	2.000.000.000	2.000.000.000

(*): Góp vốn bằng quyền sử dụng 5.000 m² đất tại Điểm Công nghiệp Phú Lãm trên địa bàn xã Phú Lãm, Hà Đông, Hà Nội. Khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận theo giá gốc từ ngày góp vốn.

5.8 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	117.574.468.496	113.463.671.508
<i>Ngân hàng Công thương Hà Tây</i>	<i>43.303.316.371</i>	<i>46.403.029.305</i>
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Tây</i>	<i>15.112.180.614</i>	<i>16.993.765.074</i>
<i>Ngân hàng Vietcombank Hà Tây</i>	<i>37.193.860.207</i>	<i>21.981.828.147</i>
<i>Ngân hàng Hồng Công Thương Hải (HSBC)</i>	<i>10.948.439.622</i>	-
Vay các cá nhân	11.016.671.682	28.085.048.982
Tổng	117.574.468.496	113.463.671.508

5.9 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Thuế GTGT đầu ra	-	47.149.655
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	48.726.695	48.726.695
Thuế xuất nhập khẩu	199.888.773	97.543.635
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.717.055.818	947.045.696
Tổng	1.965.671.286	1.140.465.681

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.10 Chi phí phải trả

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Lãi vay phải trả ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	38.373.018
Lãi vay phải trả ngân hàng Vietcombank	-	21.981.828
Lãi vay phải trả ngân hàng Công thương VN	-	5.565.835
Tổng	-	65.920.681

5.11 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền nhà CBCNV	483.846.963	139.669.963
Đền bù giải phóng mặt bằng	325.792.000	325.792.000
Phí chuyển nhượng	384.447.100	399.247.100
Các khoản khác	352.242.174	457.279.186
Tổng	1.546.328.237	1.321.988.249

5.12 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Ngân hàng Ngoại thương Hà Tây	3.800.000.000	5.400.000.000
Trái phiếu phát hành	460.000.000	460.000.000
Tổng	4.260.000.000	5.860.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.13 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ đầu dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
A	1	2	3	4	5	6	7
Số dư tại ngày 01/01/2009	41.226.020.000	26.849.000.000	7.359.350.672	1.219.258.281	3.747.767.710	2.000.569.827	82.401.966.490
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	14.373.467.512	14.373.467.512
- Tăng khác	-	-	1.462.229.197	3.000.000	374.834.290	-	1.840.063.487
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(7.668.804.000)	(7.668.804.000)
- Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-	(2.000.569.827)	(2.000.569.827)
- Giảm khác	-	-	-	(1.133.008.416)	-	-	(1.133.008.416)
- Quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	-	(576.400.000)	(576.400.000)
Số dư tại ngày 31/12/2009	41.226.020.000	26.849.000.000	8.821.579.869	89.249.865	4.122.602.000	6.128.263.512	87.236.715.246
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	15.418.223.273	15.418.223.273
- Tăng khác	-	-	4.545.720.787	-	-	-	4.545.720.787
- Phân phối quỹ và vốn khác	-	-	-	-	-	(5.551.863.512)	(5.551.863.512)
- Quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	-	(576.400.000)	(576.400.000)
Số dư tại ngày 31/12/2010	41.226.020.000	26.849.000.000	13.367.300.656	89.249.865	4.122.602.000	15.418.223.273	101.072.395.794

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.13 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
<i>Lê Văn Lớ (Đại diện phần vốn Nhà nước)</i>	1.387.760.000	1.387.760.000
<i>Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Hà Tây</i>	2.200.000.000	2.200.000.000
<i>Lê Văn Lớ</i>	1.523.500.000	1.523.500.000
<i>Ngô Văn Chinh</i>	809.600.000	809.600.000
<i>Nguyễn Văn Minh</i>	743.600.000	743.600.000
<i>Các cổ đông khác</i>	34.561.560.000	34.561.560.000
Tổng	41.226.020.000	41.226.020.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	41.226.020.000	41.226.020.000
Vốn góp đầu năm	41.226.020.000	41.226.020.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	41.226.020.000	41.226.020.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	6.128.263.512	8.245.204.000

d. Cổ phiếu

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.122.602	4.122.602
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.122.602	4.122.602
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.122.602	4.122.602
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.122.602	4.122.602
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.14 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu bán hàng hoá thành phẩm	543.415.350.125	586.913.029.646
Tổng	543.415.350.125	586.913.029.646

5.15 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại	240.217.618	313.414.675
Tổng	240.217.618	313.414.675

5.16 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hoá	543.175.132.507	586.599.614.971
Tổng	543.175.132.507	586.599.614.971

5.17 Giá vốn hàng bán

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn của hàng hoá, thành phẩm đã bán	467.142.874.199	509.903.033.218
Tổng	467.142.874.199	509.903.033.218

5.18 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.523.233.727	4.193.367.495
Cổ tức nhận được từ Công ty CP Dược và Thiết bị Y tế Hà Tây	200.000.000	400.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	377.220.970
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	340.445.721	-
Tổng	4.063.679.448	4.970.588.465

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.19 Chi phí tài chính

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền vay	15.487.392.518	7.783.945.467
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	670.465.161	2.115.750.747
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	204.357.743
Tổng	16.157.857.679	10.104.053.957

5.20 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Tổng thu nhập trong năm	547.294.811.955	591.817.822.484
Tổng chi phí trong năm	528.009.532.864	573.792.951.533
Thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	200.000.000	777.220.970
Chi phí không tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	191.936.243
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	19.085.279.091	17.235.228.481
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.817.055.818	3.447.045.696

5.21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.418.223.273	14.373.467.512
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
+ Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	15.418.223.273	14.373.467.512
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.122.602	4.122.602
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.740	3.487

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.22 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	209.887.661.845	210.359.688.403
Chi phí nhân công	44.280.590.505	47.087.747.353
Chi phí khấu hao tài TSCĐ	10.767.977.009	15.054.905.759
Chi phí khác bằng tiền	26.622.871.876	23.286.351.131
Tổng	291.559.101.235	295.788.692.646

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch mua bán với các bên liên quan**

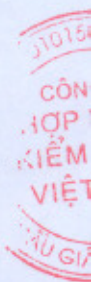
	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
<i>Doanh thu</i>		
Công ty CP Dược và Thiết bị Y tế Hà Tây	17.642.287.225	23.708.326.447
<i>Mua hàng</i>		
Công ty CP Dược và Thiết bị Y tế Hà Tây	22.481.575.438	33.797.688.099

Phải thu

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Công ty CP Dược và Thiết bị Y tế Hà Tây	767.145.635	730.532.969

Giao dịch với nhân sự chủ chốt

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Thu nhập Ban Giám đốc	2.033.318.100	1.765.538.800



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

6.2 Số liệu so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam. Một số chỉ tiêu đã được phân loại cho phù hợp với quyết định 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Kế toán trưởng

Ngô Văn Chinh

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2011

Giám đốc



Lê Văn Lớ

